

Inspiron 15

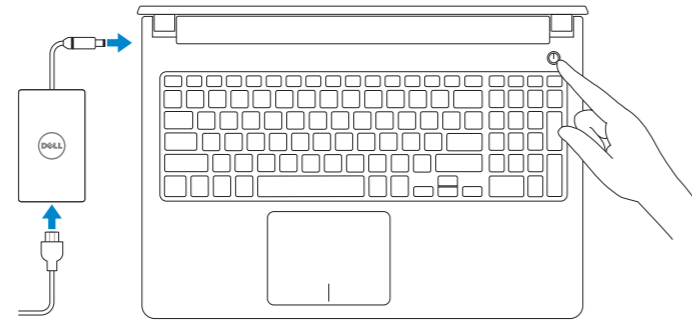
5000 Series

Quick Start Guide

Priročnik za brzi početak rada
Panduan Pengaktifan Cepat
Hướng dẫn khởi động nhanh
دليل البدء السريع

1 Connect the power adapter and press the power button

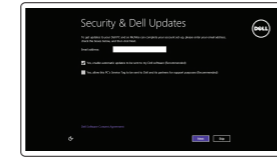
Priključite adapter za napajanje i pritisnite gumb za uključivanje/isključivanje
Hubungkan adaptor daya dan tekan tombol daya
Kết nối với bộ chuyển đổi nguồn điện và nhấn nút nguồn
توصيل مهايئ التيار والضغط على زر التشغيل



2 Finish Operating System setup

Završetak postavljanja operacijskog sustava
Menyelesaikan Pengaturan Sistem Operasi
Kết thúc thiết lập Hệ điều hành
إنهاء إعداد نظام التشغيل

Windows



Enable security and updates

Omogućite sigurnost i ažuriranja
Aktifkan keamanan dan pembaruan
Bật tính năng bảo mật và cập nhật
تمكين الأمان والتحديثات



Connect to your network

Spojite se na vašu mrežu
Sambungkan ke jaringan Anda
Kết nối vào mạng của bạn
التوصيل بالشبكة

NOTE: If you are connecting to a secured wireless network, enter the password for the wireless network access when prompted.

NAPOMENA: Ako se povezujete na sigurnu bežičnu mrežu, upišite zaporku za pristup bežičnoj mreži kad se to zatraži.

CATATAN: Jika Anda menghubungkan ke jaringan nirkabel aman, masukkan kata sandi untuk akses jaringan nirkabel tersebut saat diminta.

GHI CHÚ: Nếu bạn đang kết nối với một mạng không dây bảo mật, hãy nhập mật khẩu để truy cập mạng không dây khi được nhắc.

ملاحظة: في حالة اتصالك بشبكة لاسلكية مؤمنة، أدخل كلمة المرور لوصول الشبكة اللاسلكية عند مطالبتك.



Sign in to your Microsoft account or create a local account

Prijavite se u Microsoft račun ili izradite lokalni račun

Masuk ke akun Microsoft Anda atau buat akun lokal

Đăng nhập vào tài khoản Microsoft của bạn và tạo tài khoản trên máy tính

تسجيل الدخول إلى حساب Microsoft أو إنشاء حساب محلي

Ubuntu

Follow the instructions on the screen to finish setup.

Za dovršetak postavljanja pratite upute na zaslonu.

Ikuti petunjuk pada layar untuk menyelesaikan pengaturan.

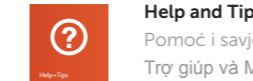
Làm theo các hướng dẫn trên màn hình để hoàn tất việc thiết lập.

اتباع الإرشادات التي تظهر على الشاشة لإنهاء عملية الإعداد.

Learn how to use Windows

Saznajte kako koristiti Windows | Pelajari cara menggunakan Windows

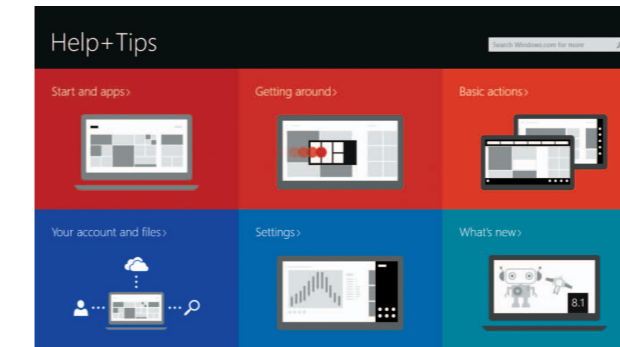
Tim hiểu cách sử dụng Windows | Windows كيفية استخدام



Help and Tips

Pomoć i savjeti | Bantuan dan Tips

Trợ giúp và Mẹo | التعليمات والتلميحات



Locate your Dell apps in Windows

Locirajte svoje Dell aplikacije u Windows

Mencari Lokasi aplikasi Dell Anda di Windows

Xác định vị trí các ứng dụng Dell của bạn trong Windows

حدد مكان تطبيقات Dell في Windows



Register your computer

Registrirajte svoje računalo | Daftarkan komputer Anda

Đăng ký máy tính của bạn | تسجيل الكمبيوتر



Dell Backup and Recovery

Dell Backup and Recovery | Pencadangan dan Pemulihan Dell

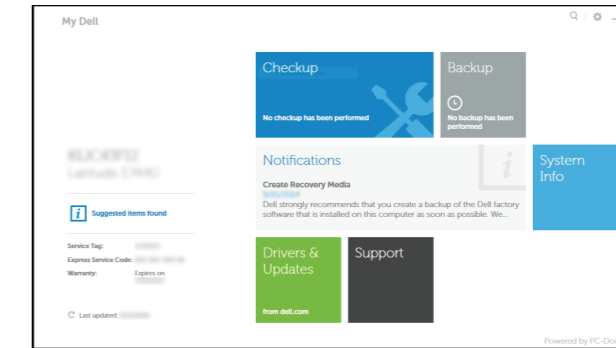
Phục hồi và Sao lưu Dell | Dell Backup and Recovery



My Dell

Moj Dell | Dell Saya

Dell của tôi | جهاز Dell الخاص بي



Product support and manuals

Podrška i priručnici za proizvod
Manual dan dukungan produk
Hỗ trợ sản phẩm và sách hướng dẫn
دعم المنتج والدلائل

dell.com/support

dell.com/support/manuals

dell.com/windows8

dell.com/support/linux

Contact Dell

Kontaktiranje tvrtke Dell | Hubungi Dell
Liên hệ Dell | الاتصال بـ Dell

dell.com/contactdell

Regulatory and safety

Pravne informacije i sigurnost | Regulasi dan keselamatan
Quy định và an toàn | ممارسات الأمان والممارسات التنظيمية

dell.com/regulatory_compliance

Regulatory model

Regulatorni model | Model regulatori
Model quy định | الموديل التنظيمي

P51F

Regulatory type

Regulatorna vrsta | Jenis regulatori
Loại quy định | النوع التنظيمي

P51F002

Computer model

Model računala | Model komputer
Model máy tính | موديل الكمبيوتر

Inspiron 15-5555

© 2015 Dell Inc.

© 2015 Microsoft Corporation.

© 2015 Canonical Ltd.



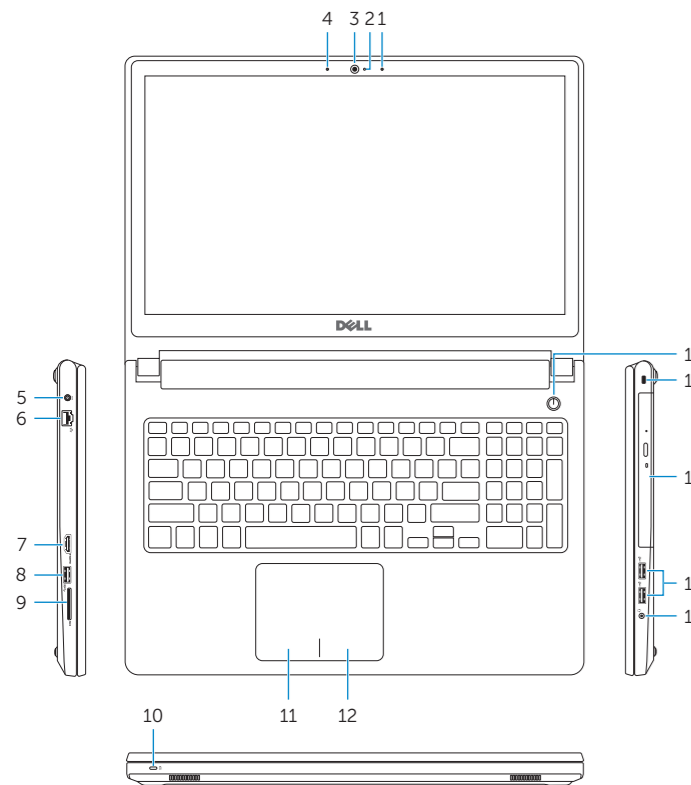
0HCT4RA00



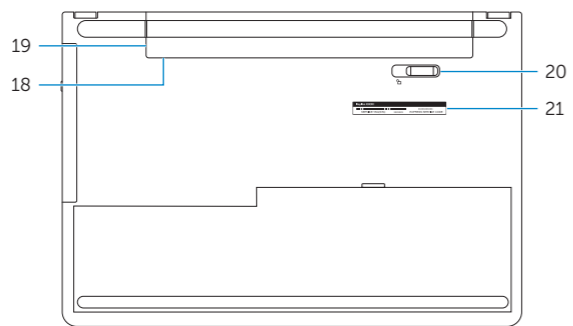
Printed in China.
2015-02

Features

Značajke | Fitur | Tính năng | الميزات



- 1. Right microphone
- 2. Camera-status light
- 3. Camera
- 4. Left microphone
- 5. Power-adaptor port
- 6. Network port
- 7. HDMI port
- 8. USB 3.0 port
- 9. Media-card reader
- 10. Power and battery-status light/hard-drive activity light
- 11. Left-click area
- 12. Right-click area
- 13. Headset port
- 14. USB 2.0 ports (2)
- 15. Optical drive
- 16. Security-cable slot
- 17. Power button
- 18. Regulatory label (in battery bay)
- 19. Battery
- 20. Battery-release latch
- 21. Service Tag label



- 1. Desni mikrofon
- 2. Svjetlo statusa kamere
- 3. Kamera
- 4. Lijevi mikrofon
- 5. Ulaz adaptera za napajanje
- 6. Ulaz za priključak mreže
- 7. HDMI ulaz
- 8. Ulaz za USB 3.0
- 9. Čitač medijske kartice
- 10. Svjetla statusa napajanja i baterije/ svjetlo aktivnosti tvrdog pogona
- 11. Područje za lijevi klik mišem
- 12. Područje za desni klik mišem
- 13. Ulaz za slušalice
- 14. USB 2.0 ulazi (2)
- 15. Optički pogon
- 16. Utor za sigurnosni kabel
- 17. Gumb za uključivanje/isključivanje
- 18. Regulatorna naljepnica (u preticu za bateriju)
- 19. Baterija
- 20. Jezičak za oslobađanje baterije
- 21. Naljepnica servisne oznake

- 1. Mikrofon kanan
- 2. Lampu status kamera
- 3. Kamera
- 4. Mikrofon kiri
- 5. Port adaptor daya
- 6. Port jaringan
- 7. Port HDMI
- 8. Port USB 3.0
- 9. Pembaca kartu media
- 10. Lampu daya dan status baterai/ lampu aktivitas hard disk
- 11. Area klik kiri
- 12. Area klik kanan
- 13. Port headset
- 14. Port USB 2.0 (2)
- 15. Drive optik
- 16. Slot kabel pengaman
- 17. Tombol daya
- 18. Label regulatori (dalam bay baterai)
- 19. Baterai
- 20. Kait pelepas baterai
- 21. Label Tag Servis

- 1. Micrô phải
- 2. Đèn trạng thái camera
- 3. Camera
- 4. Micrô trái
- 5. Cổng bộ chuyển đổi nguồn điện
- 6. Cổng mạng
- 7. Cổng HDMI
- 8. Cổng USB 3.0
- 9. Khe đọc thẻ nhớ
- 10. Đèn tình trạng nguồn và pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng
- 11. Vùng nhấp trái
- 12. Vùng nhấp phải
- 13. Cổng tai nghe
- 14. Cổng USB 2.0 (2)
- 15. Ổ đĩa quang
- 16. Khe cáp bảo vệ
- 17. Nút nguồn
- 18. Nhãn quy định (trong khay pin)
- 19. Pin
- 20. Chốt nhả pin
- 21. Nhãn Thẻ bảo trì

- 1. الميكروفون الأيمن
- 2. مصباح حالة الكاميرا
- 3. الكاميرا
- 4. الميكروفون الأيسر
- 5. منفذ مهابئ التيار
- 6. منفذ الشبكة
- 7. منفذ HDMI
- 8. منفذ USB 3.0
- 9. قارئ بطاقات الوسائط
- 10. مصباح حالة التيار والبطارية/مصباح نشاط محرك الأقراص الثابتة
- 11. منطقة النقر الأيسر
- 12. منطقة النقر الأيمن
- 13. منفذ سماعة الرأس
- 14. منافذ USB 2.0 (2)
- 15. محرك الأقراص الضوئية
- 16. فتحة كبل الأمان
- 17. زر التيار
- 18. الملصق التنظيمي (في غلبة البطارية)
- 19. البطارية
- 20. قفل تحرير البطارية
- 21. ملصق رمز الخدمة

Shortcut keys

Tipke prečaca | Tombol pintasan

Phím tắt | مفاتيح الاختصار

- F1** Mute audio
Isključi zvuk | Mematikan audio
Tắt âm | كتم الصوت
- F2** Decrease volume
Smanjenje glasnoće | Menurunkan volume
Giảm âm lượng | خفض مستوى الصوت
- F3** Increase volume
Povećanje glasnoće | Meningkatkan volume
Tăng âm lượng | رفع مستوى الصوت
- F4** Play previous track/chapter
Reprodukcija prethodnog zapisa/poglavlja | Memutar trek/bab sebelumnya
Phát bản nhạc/chương trước đó | تشغيل المسار/الفصل السابق
- F5** Play/Pause
Reprodukcija/Pauza | Memutar/Menjeda
Phát/Tạm dừng | تشغيل/إيقاف مؤقت
- F6** Play next track/chapter
Reprodukcija prethodne pjesme/poglavlja | Memutar trek/bab selanjutnya
Phát bản nhạc/chương kế tiếp | تشغيل المسار/الفصل التالي
- F8** Switch to external display
Prebaci na vanjski zaslon | Mengalihkan ke display eksternal
Chuyển đổi sang màn hình hiển thị bên ngoài | التبديل إلى الشاشة الخارجية
- F9** Search
Pretraži | Menelusuri
Tìm kiếm | بحث
- F10** Toggle keyboard backlight (optional)
Prebacivanje na pozadinsko osvjetljenje tipkovnice (opcionalno)
Beralih antar lampu latar keyboard (opsional)
Bật tắt đèn nền bàn phím — tùy chọn
تبدیل الإضاءة الخلفية للوحة المفاتيح (اختياري)

- F11** Decrease brightness
Smanjivanje svjetline | Menurunkan kecerahan
Giảm độ sáng | تخفيض مستوى السطوع
- F12** Increase brightness
Povećavanje svjetline | Meningkatkan kecerahan
Tăng độ sáng | رفع مستوى السطوع
- Fn + Esc** Toggle Fn-key lock
Prebacivanje zaključavanja tipke Fn
Mengalihkan kunci tombol Fn
Bật tắt khóa phím Fn
تبدیل قفل مفتاح Fn
- Fn + PrtScr** Turn off/on wireless
Isključi/uključi bežično | Mengaktifkan/menonaktifkan nirkabel
Tắt/mở mạng không dây | تشغيل/إيقاف تشغيل الاتصال اللاسلكي
- Fn + Insert** Sleep
Spavanje | Tidur
Chế độ Ngủ | سكون
- Fn + H** Toggle between power and battery-status light/hard-drive activity light
Prebacivanje između svjetla statusa baterije/svjetla aktivnosti tvrdog pogona
Mengalihkan antara lampu daya dan status baterai/lampu aktivitas hard disk
Bật tắt giữa đèn nguồn và đèn tình trạng pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng
تبدیل بين مصباح التشغيل وحالة البطارية/مصباح نشاط محرك الأقراص الثابتة

NOTE: For more information, see *Specifications* at [dell.com/support](https://www.dell.com/support).

NAPOMENA: Za više informacija pogledajte *Spesifikacije* na [dell.com/support](https://www.dell.com/support).

CATATAN: Untuk informasi selengkapnya, lihat *Spesifikasi* di [dell.com/support](https://www.dell.com/support).

GHI CHÚ: Để biết thêm thông tin, hãy xem *Thông số kỹ thuật* tại [dell.com/support](https://www.dell.com/support).

ملاحظة: لمزيد من المعلومات، راجع المواصفات على العنوان [dell.com/support](https://www.dell.com/support)